



Mã nhận dạng 02318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_01**

Tổ Thi

001_DH21NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137044	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	DH21NL	Anh		8	7	2,5	4,4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	21137047	Nguyễn Nhật Bảo	DH21NL	Bảo		9	7	1,0	3,6	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
3	21137045	Trịnh Tuấn Bằng	DH21NL	Bằng		9	5	2,5	3,6	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
4	21137049	Trần Thanh Bình	DH21NL	Bình		9	8	4	5,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
5	21137051	Võ Ngọc Chinh	DH21NL	Chinh		8	6,5	2,5	4,3	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21137052	Đặng Văn Cường	DH21NL	Cường		9	9	3,5	5,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	21137064	Bùi Ngọc Khánh Duy	DH21NL	Duy		9	6	6	6,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	21137006	Nguyễn Bảo Duy	DH21NL	Duy		9	9	4,5	9,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	21137055	Nguyễn Văn Đại	DH21NL	Đại		9	2,5	0,5	2,0	○ ○ ○ ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	21137056	Đoàn Tiến Đạt	DH21NL	Đạt		9	9	6,5	7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	21137058	Hà Văn Đạt	DH21NL	Đạt		8	5	5	5,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	21137059	Nguyễn Thành Đạt	DH21NL	Đạt		8	8	2	4,4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21137063	Nguyễn Minh Đức	DH21NL	Đức		7	7	3	4,6	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	21137070	Trương Ngọc Hải	DH21NL	Hải		9	5	4,5	5,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	21137071	Nguyễn Văn Hào	DH21NL	Hào		9	6,5	5,5	6,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	21137075	Thái Văn Hiệp	DH21NL	Hiệp		9	10	6,5	7,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨



Mã nhận dạng 02318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_01**

Tổ Thi

001_DH21NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137011	Phan Xuân	Hiếu	X						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	21137077	Nguyễn Huy	Hoàng	Hoàng		8	5	5	5,3	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
19	21137080	Trần Nhật	Hùng	Nguy		9	6	8	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
20	21137082	Huỳnh Văn	Huy	Huy		9	5	5	5,4	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
21	21137084	Nguyễn Minh	Huy	Minh		8	8	3	5,0	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19137023	Ngô Trần	Hung	Hung		8	4,5	2,5	3,7	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
23	21137087	Dương	Khang	Khang		9	5,5	9	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	21137089	Trần Đăng	Khoa	Khoa		7	6	3	4,3	0 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
25	21137091	Lê Hoàng	Khôi	Khôi		9	6	4	5,1	0 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
26	21137092	Nguyễn Đăng	Khôi	Đ		7	5	2	3,4	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
27	21137094	Trần Công	Khuong	Khuy		9	2,5	3	3,5	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
28	21137098	Đoàn Bùi Thanh	Liêm	Li		7	7	1,5	3,7	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
29	21137018	Nguyễn Phát	Lộc	Ph		9	8	1,0	3,9	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
30	21137101	Thái Lạc Quán	Lương	Qu		9	8	1,0	3,9	0 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
31	21137102	Đỗ Trọng	Mạnh	Mạnh		5	10	2,0	4,7	0 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
32	21137103	Nguyễn Đức	Mạnh	Đ		8	6	7	6,8	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9



Mã nhận dạng 02318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_01**

Tổ Thi

001_DH21NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi

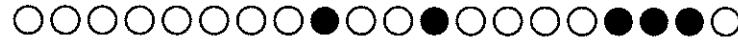
09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137105	Nguyễn Anh Minh	DH21NL			9	4	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
34	21137106	Nguyễn Khắc Phương	DH21NL			7	3,5	1,5	2,7	0012345678910	0123456789
35	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng	DH19NL							0012345678910	0123456789
36	21137112	Đặng Phú	DH21NL			7	10	1,5	4,6	0012345678910	0123456789
37	21137113	Nguyễn Lê Duy	DH21NL			8	10	1,5	4,7	0012345678910	0123456789
38	21137115	Nguyễn Ngọc	DH21NL			9	10	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
39	21137117	Huỳnh Trọng	DH21NL			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
40	21137118	Nguyễn Hữu	DH21NL			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
41	21137120	Nguyễn Thành	DH21NL			6	8	2	4,2	0012345678910	0123456789
42	21137126	Tô Văn	DH21NL			9	6	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
43	21137122	Đoàn Minh	DH21NL			6	6	2	3,6	0012345678910	0123456789
44	21137123	Nguyễn Khắc Minh	DH21NL			9	10	7	8,1	0012345678910	0123456789
45	21137128	Phạm Ngọc	DH21NL							0012345678910	0123456789
46	21137129	Phan Tiến	DH21NL			9	10	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
47	21137130	Hồ Chí	DH21NL			9	10	2	5,1	0012345678910	0123456789
48	21137132	Phan Văn	DH21NL			7	10	1,0	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_01**

Tổ Thi **001_DH21NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21137134	Nguyễn Hoài Thanh	DH21NL			9	10	7	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	21137135	Nguyễn Minh Thành	DH21NL							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	21137136	Nguyễn Tấn Thành	DH21NL			9	8	2	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	21137137	Phạm Tuấn Thành	DH21NL			8	10	4,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	21137138	Nguyễn Niên Thành	DH21NL			9	10	4,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
54	21137140	Lê Phúc Thịnh	DH21NL			7	10	1,5	4,6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
55	21137141	Nguyễn Truyền Thoại	DH21NL			9	10	7,5	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	21137143	Khuru Minh Thuận	DH21NL			8	10	1,0	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	21137147	Hoàng Cao Minh Tiến	DH21NL			6	8	1,0	3,6	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
58	21137148	Lâm Đạo Tiến	DH21NL			9	8	1,0	3,9	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
59	21137152	Nguyễn Văn Tín	DH21NL			9	10	7	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	21137154	Trương Văn Tinh	DH21NL			7	8	3,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	21137153	Nguyễn Hữu Tinh	DH21NL			9	10	2	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	21137155	Nguyễn Song Toàn	DH21NL			8	10	3,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
63	21137157	Đinh Minh Trí	DH21NL			9	10	4	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
64	21137159	Nguyễn Quốc Trí	DH21NL			9	9	2,5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02318

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_01**

Tổ Thi **001_DH21NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	21137037	Phan Đình Trung	DH21NL			9	6	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
66	21137162	Nguyễn Thanh Tuấn	DH21NL			6	10	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
67	21137163	Nguyễn Trần Anh Tuấn	DH21NL			8	10	2	5,0	0012345678910	0123456789
68	21137039	Nguyễn Quang Vinh	DH21NL			9	4,5	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
69	21137167	Nguyễn Tấn Vinh	DH21NL			7	10	2,5	5,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **5** Số sinh viên vắng **4**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Võ Huy Thịnh

Lê Anh Đức

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02319

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_02**

Tổ Thi

001_DH21NL_02

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137042	Huỳnh Phúc An	DH21NL			9	9	4	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	21137048	Trần Xuân Bảo	DH21NL		✓					● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	21137050	Đặng Mậu Quốc	DH21NL			9	6	6,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
4	21137054	Tạ Quốc Cường	DH21NL			9	3	2,5	3,3	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	21137005	Trần Thành Đô	DH21NL			9	10	3,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	21137062	Cao Hữu Đông	DH21NL			7,5	10	2	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	21137067	Trần Nguyễn Hoàng Gia	DH21NL		✓					● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	21137069	Dương Tiến Hải	DH21NL			8	4,5	6	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
9	21137009	Nguyễn Thanh Hiền	DH21NL			9	3	0	1,8	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	21137073	Trần Hưng Hiền	DH21NL			6	0	5	3,6	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
11	21137074	Huỳnh Ngọc Hiền	DH21NL			8	2	5,5	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
12	21137083	Lương Quốc Huy	DH21NL			7	4	1,0	2,5	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	21137085	Phạm Nhật Huy	DH21NL			8	7	2	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	21137086	Tổng Nguyễn Gia Huy	DH21NL			9	3,5	4,5	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	21137013	Mai Tuấn Hưng	DH21NL			8	6	3	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	21137081	Trần Vũ Hưng	DH21NL			9	8,5	2,5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02319

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_02**

Tổ Thi **001_DH21NL_02**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137109	Nguyễn Thái	Nguyên	DH21NL	<i>T. Nguyen</i>	9	5	5,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	21137111	Quách Việt	Nguyên	DH21NL	<i>V. Quach</i>	9	4,5	2	3,5	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	21137108	Bùi Thành	Ngữ	DH21NL	<i>BT</i>	9	4	6	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
20	21137114	Nguyễn Hoài	Nhuân	DH21NL	<i>NH</i>	8	3	2,5	3,2	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	21137116	Trương Hoàng	Phú	DH21NL	<i>TH</i>	8	10	1,5	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	21137119	Nguyễn Văn	Phúc	DH21NL	<i>Phuc</i>	8	7	1,0	3,5	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	21137022	Phạm Ngọc	Phước	DH21NL	<i>P. Ngoc</i>	8	10	5	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
24	21137124	Đoàn Duy	Quang	DH21NL	<i>D. Quang</i>	9	7	6	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
25	21137125	Nguyễn Vũ Khôi	Quang	DH21NL		✓				● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	21137131	Huỳnh Trọng	Tấn	DH21NL	<i>HT</i>	9	4,5	4	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
27	21137133	Phạm Lê Quốc	Thái	DH21NL	<i>PLQ</i>	7	5,5	3,5	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	21137144	Mai Công	Thuận	DH21NL	<i>MC</i>	8	6	3	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	21137149	Nguyễn Nhật	Tiến	DH21NL	<i>N. Nhat</i>	8	5,5	2,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	21137150	Tô Nhật	Tiến	DH21NL		✓				● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	21137156	Võ Quốc	Toàn	DH21NL	<i>VQ</i>	8	5	7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	21137161	Nguyễn Văn	Truyền	DH21NL	<i>TV</i>	9	0	6	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02319

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_02**

Tổ Thi **001_DH21NL_02**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137165	Huỳnh Anh Tường	DH21NL			7,5	10	2	50	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Long

Nguyễn Đình Khuyết

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02321

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		9	7,7	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	H		9	7,8	9	8,6	001234567●910	012345●789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	B		9	6,9	6	6,6	0012345●78910	012345●789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	B		9	6,7	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	B		9	6,9	5	6,0	0012345●78910	●123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		9	5,8	6	6,2	0012345●78910	01●3456789
7	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	C		8	6,6	7	7,0	00123456●8910	●123456789
8	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	chiên		9	7,4	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
9	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	c		7	7,7	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
10	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC	C		9	7,9	3,5	5,4	001234●678910	0123●56789
11	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Run		8	7,3	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
12	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	duy		9	7,3	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
13	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	dao		9	7,9	7	7,5	00123456●8910	01234●6789
14	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	dat		8	6,7	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
15	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC	dat		7	7,1	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
16	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	dat		9	6,4	6	6,4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 02321

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật sậy(207222)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118041	K' Đông	DH19CC			9	1,6	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
18	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			9	8,4	8	8,2	0012345678910	0123456789
19	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			9	6,9	8	7,8	0012345678910	0123456789
20	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
21	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			9	7,3	7	7,3	0012345678910	0123456789
22	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			8	6	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
23	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			9	8,1	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
24	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			9	8,5	9,2	9,0	0012345678910	0123456789
25	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			9	7,2	6	6,7	0012345678910	0123456789
26	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			9	6,9	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
27	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			9	5,5	2	3,8	0012345678910	0123456789
28	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			9	7,7	7	7,4	0012345678910	0123456789
29	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			9	7,9	9	8,7	0012345678910	0123456789
30	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC			9	7,8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
31	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			9	7,4	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
32	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			9	7,9	9	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02321

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC		9	7,2	7	7,3	00123456●8910	012●456789
34	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC		8	7,5	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
35	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC		9	6,7	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
36	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		9	7,8	9	8,6	001234567●910	012345●789
37	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		9	7,6	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
38	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC		9	7,3	9	8,5	001234567●910	01234●6789
39	19118134	Lý Kim	Luận	DH19CC		9	7,2	8,2	8,0	001234567●910	●123456789
40	19118135	Trần Hữu	Luận	DH19CC		9	7,2	8,2	8,0	001234567●910	●123456789
41	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC		9	7,6	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
42	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC		9	7,1	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
43	19118154	Phạm Minh	Nghĩa	DH19CC		9	7,0	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
44	19118160	Trần Bá	Nguyên	DH19CC		9	4,4	5	5,2	001234●678910	01●3456789
45	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		9	7,7	9	8,6	001234567●910	012345●789
46	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		9	8,2	9	8,8	001234567●910	01234567●9
47	19118177	Nguyễn Trường	Phong	DH19CC		9	6,8	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
48	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC		9	7,2	8	7,9	00123456●8910	012345678●



Mã nhận dạng 02321

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sậy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC	Phước		9	6,4	7,5	7,3	00123456●8910	012●456789
50	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC	Quang		9	7,8	9	8,6	001234567●910	012345●789
51	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	Quân		9	7,1	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
52	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	Tài		9	6,8	7	7,1	00123456●8910	0●23456789
53	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	Thanh		8	7,1	9	8,3	001234567●910	012●456789
54	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh		9	6,5	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
55	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	Thắng		9	7,2	9	8,5	001234567●910	01234●6789
56	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	Thắng		9	7,3	9	8,5	001234567●910	01234●6789
57	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	Thiện		9	7,2	6	6,7	0012345●78910	0123456●89
58	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Thuận		9	5,5	7	6,8	0012345●78910	01234567●9
59	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC	Thư		9	8,4	8	8,2	001234567●910	01●3456789
60	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Tiên		9	8,1	6,2	7,1	00123456●8910	0●23456789
61	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC	Tiến		8	6,1	9	8,0	001234567●910	●123456789
62	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Tiến		9	7,2	7	7,3	00123456●8910	012●456789
63	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC	Tịnh		9	8,5	7,5	8,0	001234567●910	01234567●9
64	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC	Toại		9	7,5	9	8,6	001234567●910	012345●789



Mã nhận dạng 02321

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sây(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	19118245	Nguyễn Văn	DH19CC			9	8,1	7,5	7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
67	19118251	Trần Thị Thiên	DH19CC			9	7,7	8,5	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
68	19118250	Huỳnh Trần Bảo	DH19CC			9	7,8	8	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	19118254	Huỳnh Như	DH19CC			9	8,1	7	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
70	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC			9	8,1	6,5	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
71	19118262	Thái Văn	DH19CC			9	8,6	9,2	9,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	19118263	Vô Văn	DH19CC			9	7,5	8,5	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
73	19118278	Phan Văn	DH19CC			9	6,7	7	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
74	19118279	Bùi Bá	DH19CC			8	6,9	6,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
75	19118280	Nguyễn Hoàng	DH19CC			9	7,4	6	6,7	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9

Số sinh viên dự thi 75. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 20/06/2022
Phạm Minh Hiền

Nguyễn Anh Đức

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02322

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 32 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		8	6,9	7	7,1	00123456●8910	0●23456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao		9	6,9	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Chấn		8	6,7	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
4	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi		9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến		9	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
6	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cuong		9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
7	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cuong		9	7,1	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
8	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Dam		9	7,2	7	7,3	00123456●8910	012●456789
9	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		9	7,4	6	6,7	0012345●78910	0123456●89
10	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL	Dat		9	0,8	0,5	1,4	00●2345678910	0123●56789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Dat		9	6,4	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Hai		8	6,6	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
13	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hanh		9	7,8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
14	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hau		9	7,8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
15	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hoang		8	1,2	5,5	4,5	00123●5678910	01234●6789
16	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Hung		9	8,5	7,5	8,0	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 02322

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sáy(207222)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL	<i>Huy</i>		7	6,3	6	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL	<i>Huy</i>		9	5,9	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
19	19137028	Sầm Khắc	DH19NL	<i>ks</i>		9	7,8	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
20	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	<i>Huy</i>		9	8,5	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
21	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL	<i>Hung</i>		8	7,1	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
22	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL	<i>Huu</i>		9	6,8	4	5,3	001234●678910	012●456789
23	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL	<i>Khang</i>		9	4,5	5	5,3	001234●678910	012●456789
24	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL	<i>Khang</i>		7	7,2	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
25	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL	<i>B</i>		8	7,5	8	7,9	00123456●8910	012345678●
26	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL	<i>Khori</i>		9	8,9	6,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
27	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL	<i>Loc</i>		9	6,5	6	6,5	0012345●78910	01234●6789
28	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	<i>Mi</i>		8	8,4	7	7,5	00123456●8910	01234●6789
29	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	<i>Nam</i>		9	7,6	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
30	19137044	Nguyễn Hoàng	DH19NL	<i>Hoang</i>		9	8,4	6	7,0	00123456●8910	●123456789
31	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL	<i>Nguyen</i>		8	6,2	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
32	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL	<i>Nhan</i>	✓					●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02322

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

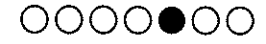
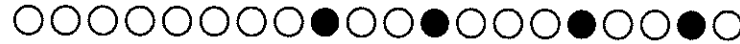
Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			9	8,2	6	7,0	0012345678910	0123456789
34	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			9	7,2	6	6,7	0012345678910	0123456789
35	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			9	6,6	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
36	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
37	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			9	5,8	7	6,8	0012345678910	0123456789
38	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			9	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
39	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			8	1,9	6	5,0	0012345678910	0123456789
40	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			9	6,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
41	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			8	7,8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
42	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL			9	5,2	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
43	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			8	7,6	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
44	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			9	6,3	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
45	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			9	8,3	7	7,6	0012345678910	0123456789
46	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
47	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL		✓					0012345678910	0123456789
48	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			9	7,1	7	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02322

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			9	6,4	8	7,6	0012345678910	0123456789
50	19137069	Nguyễn Công	DH19NL			9	8,2	6	7,0	0012345678910	0123456789
51	19137070	Nguyễn Quốc	DH19NL			9	7,8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
52	19137071	Bùi Quang	DH19NL			9	7,8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
53	19137077	Bùi Thành	DH19NL			8	7,2	8	7,8	0012345678910	0123456789
54	18137046	Phan Khánh	DH18NL			7	7,4	6	6,5	0012345678910	0123456789
55	18137047	Hồ Nguyễn Phi	DH18NL			7	6,6	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
56	19137079	Huỳnh Quốc	DH19NL			9	8,6	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
57	19137082	Từ Trường	DH19NL			9	6,5	8	7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 55 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Đặng Văn Quang

Lê Anh Đức

Lê Anh Đức

Ngày in : 20/06/2022

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		8	8		8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	IL		8	7,5		7,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○
3	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC	Cu		8	8		8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						/	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC						/	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	Dat		8,5	7,7		8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			8	7		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
8	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC	Ha		8,3	8		8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC	Huy		8,5	8,3		8,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
10	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC	Huu		8,3	7,5		7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○
11	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC	Kha		7,5	7,5		7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○
12	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC	Khon		8,5	8,2		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	19118116	Lâm Văn La	DH19CC	La		8,3	7,8		8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC						/	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC	Luan		8,5	8,5		8,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○
16	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC	Luan		8,3	8		8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○	○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			7,5	7,5		7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			8,5	8,5		8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118146	Thạch Minh	DH19CC			8,3	7,5		7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			7,5	7,5		7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			8,5	7,7		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			8,3	7,8		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			7,3	7,3		7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			8,5	8,2		8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			8,5	8,2		8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			8,3	7,8		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			8,3	7,8		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			8,3	7,8		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			8,3	7,5		7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			7,5	7,5		7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Anh Đức (328)

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01550

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			8	7		7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			8,5	7,6		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			7	7		7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			8,5	8		8,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			8,5	8,2		8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			7	7		7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			8	7,3		7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			8,5	8		8,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			8,5	8		8,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118041	K' Đông	DH19CC			8	7		7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			8,5	7,3		7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			8,5	7,8		8,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			8,5	7,6		8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			8,5	7,8		8,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			8	7,2		7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			8,5	8,2		8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			8,5	7,6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC	Khải		8,5	8,2		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			8,5	7,8		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19118105	Lý Nhật Khang	DH19CC			8,5	8,2		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			8	8		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			8,5	7,8		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			8,5	8,2		8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	Tài		8	8,2		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			8	8		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			8	7,5		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
29	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			8	8		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC	Tịnh		8,5	7,8		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC	Toại		8	8		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 01550

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CB nông sản - thực phẩm (207244) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			8,5	8,5		8,5	001234567●910	01234●6789
34	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			7	7		7,0	00123456●8910	●123456789
35	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			8,5	8,2		8,3	001234567●910	012●456789
36	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			8,5	7,8		8,1	001234567●910	0●23456789
37	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			7	7		7,0	00123456●8910	●123456789
38	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			8,5	7,8		8,1	001234567●910	0●23456789
39	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			8,5	8		8,2	001234567●910	01●3456789
40	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			7	7		7,0	00123456●8910	●123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Nguyễn Văn Trường

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02360

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			9,5	7,0	4,0	5,7	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			9,5	3,0	3,0	4,3	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			9,5	5,0	2,0	4,1	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			9,0	5,0	2,0	4,0	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			9,0	5,0	2,0	4,0	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			9,0	6,0	5,0	6,0	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			8,5	8,0	2,0	4,5	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			8,5	4,0	4,0	4,9	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			8,5	5,0	3,5	4,8	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			7,0	8,0	4,5	5,7	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			7,0	7,0	2,0	4,0	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9,5	8,0	8,5	8,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			9,5	6,0	4,0	5,5	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02360

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 12 Số sinh viên vắng: 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

12
N. V. Kiệp

Harsh
Bùi Công Hành

[Signature]

TS. Nguyễn Đức Khuyến

[Signature]
Nguyễn Văn Công Chính



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD	An			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD	Anh			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD	Cương			1	6,5	7,5	00012345678910	0123456789
4	19153008	Ngô Trung Dinh	DH19CD	Dinh			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
5	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD	Duy			1	8	9,0	00012345678910	0123456789
6	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD	Duy			1	8	9,0	00012345678910	0123456789
7	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD	Duy			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
8	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD	Duy			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
9	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD	Duy			1	8	9,0	00012345678910	0123456789
10	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD	Dương			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
11	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD	Đạt			0,5	7,5	8,0	00012345678910	0123456789
12	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD	Đăng			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
13	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD	Đăng			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
14	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD	Hải			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
15	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD	Hải			0,5	7,5	8,0	00012345678910	0123456789
16	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD	Hiếu			0,5	7,5	8,0	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153022	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	DH18CD	<i>Minh</i>		1	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
18	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD	<i>Phúc</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
19	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD	<i>Huy</i>		1	7	8,0	0012345678910	0123456789
20	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD	<i>Huy</i>		1	7	8,0	0012345678910	0123456789
21	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD	<i>Khải</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
22	19153033	Mai Đăng	Khoa	DH19CD	<i>Khoa</i>		1	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
23	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	DH19CD	<i>Khôi</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
24	19153035	Lê Quang	Kiên	DH19CD	<i>Kiên</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
25	19153036	Trần Anh	Kiệt	DH19CD	<i>Kiệt</i>		1	8	9,0	0012345678910	0123456789
26	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	DH19CD	<i>Linh</i>		1	7	8,0	0012345678910	0123456789
27	19153041	Đặng Sơn	Minh	DH19CD	<i>Minh</i>		1	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
28	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	DH19CD	<i>Minh</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
29	19153044	Trần Văn	Nam	DH19CD	<i>Nam</i>		1	7	8,0	0012345678910	0123456789
30	19153048	Lý Thanh	Nhân	DH19CD	<i>Nhân</i>		1	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
31	19153052	Đỗ Văn Tình	Nhỏ	DH19CD	<i>Nhỏ</i>		0,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
32	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD	<i>Nhật</i>		1	7	8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD	Phong			1	7	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD	Phong			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD	Phu			0,5	7,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD	Phuc			1	7	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD	Phuong			1	6,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD	Quang			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD	Quin			1	6,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD	Quy			1	6,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD	Quy			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD	Quynh			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD	Sang			1	7	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD	Tan			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD	Thai			1	5,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD	Thanh			1	6,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD	Thanh			0,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD	Thanh			1	7	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01558

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD	Thành			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
50	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD	Thắng			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
51	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD	Thịnh			0,5	7,5	8,0	00012345678910	0123456789
52	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	Thông			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
53	19153080	Kiều Thuy	DH19CD	Thuy			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
54	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD	Tiến			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
55	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD	Quyết			0,5	7,5	8,0	00012345678910	0123456789
56	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD	Tiến			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
57	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD	Tín			0,5	7	7,5	00012345678910	0123456789
58	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD	Trinh			1	7	8,0	00012345678910	0123456789
59	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD	Trung			1	5	6	00012345678910	0123456789
60	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD	Trường			0,5	7,5	8	00012345678910	0123456789
61	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD	Trường			0,5	5,5	6	00012345678910	0123456789
62	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD	Tú			1	7	8,0	00012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 62

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

C. Đức Lộ

TS. Nguyễn Đức Khuyến

C. Đức Lộ

Ngày in : 06/06/2022 09:52



Mã nhận dạng 01560

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án lập trình đo lường - điều khiển bằng máy tính (207539)

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD						8.5	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD						✓	0012345678910	0123456789
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
7	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
8	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
9	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
10	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
11	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
12	19138020	Đình Văn Hiền	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
13	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD						8.5	0012345678910	0123456789
14	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
15	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
16	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD						7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án lập trình đo lường - điều khiển bằng máy tính (207539)

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
18	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
19	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
20	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
21	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
22	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD						8.5	0012345678910	0123456789
23	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
24	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
25	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
26	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
27	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
28	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
29	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
30	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
31	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
32	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án lập trình đo lường - điều khiển bằng máy tính (207539)

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
34	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
35	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
36	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
37	19138066	Mai Văn Quyển	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
38	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
39	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
40	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD						7	0012345678910	0123456789
41	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
42	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
43	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
44	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
45	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
46	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789
47	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD						8	0012345678910	0123456789
48	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD						7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01560

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án lập trình đo lường - điều khiển bằng máy tính (207539)

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD						8.5	0012345678910	0123456789
50	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD						8.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 49

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chức nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Cao Đức Lợi

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02368

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phát & truyền tải điện(207540)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138003	Đình Hoàng Thiên Ân	DH20TD	<i>HN</i>		7	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
2	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD	<i>Bình</i>		7	9	8	8,1	0012345678910	0123456789
3	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD	<i>Chinh</i>		7	8,5	7	7,3	0012345678910	0123456789
4	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD	<i>Danh</i>		9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
5	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD	<i>Dung</i>		9	9,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
6	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD	<i>Duy</i>		7	9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
7	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD	<i>Đạt</i>		9	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
8	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD	<i>Đạt</i>		8	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
9	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD	<i>Đạt</i>		7	8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
10	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD	<i>Đạt</i>		9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
11	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD	<i>Hạnh</i>		7	9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
12	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD	<i>Hào</i>		9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
13	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD	<i>Hậu</i>		7	8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
14	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD	<i>Hiệp</i>		7	8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
15	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD	<i>Hoài</i>		7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
16	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD	<i>Huy</i>		9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02368

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Phát & truyền tải điện(207540)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138090	Võ Tấn Huy	DH20TD			7	10	8	8,3	0012345678910	0123456789
18	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	DH20TD			7	7,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
19	20138088	Phạm Duy	DH20TD			9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
20	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	DH20TD			7	10	8	8,3	0012345678910	0123456789
21	20138091	Nguyễn Đức	DH20TD			7	8,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
22	20138092	Trần Bá	DH20TD			8	7,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
23	20138093	Phan Quốc	DH20TD			8	9	8	8,2	0012345678910	0123456789
24	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	DH20TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
25	20138096	Ngô Tuấn	DH20TD			9	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
26	20138097	Võ Anh	DH20TD			9	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
27	20138098	Ngô Trần Thiên	DH20TD			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
28	20138100	Nguyễn An	DH20TD			9	9,5	7	7,7	0012345678910	0123456789
29	20138101	Trần Quốc	DH20TD			7	9,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
30	20138063	Trần Đức	DH20TD			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
31	20138104	Bùi Phương	DH20TD			7	9	8	8,1	0012345678910	0123456789
32	20138030	Phạm Vĩnh	DH20TD			9	10	8	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02368

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Phát & truyền tải điện(207540)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138107	Tạ Thanh	Nhà	DH20TD		9	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
34	20138106	Trương Hoàng	Nhã	DH20TD		9	10	8	8,5	0012345678910	0123456789
35	20138108	Trần Nguyễn Trường	Phi	DH20TD		9	9,5	7	7,7	0012345678910	0123456789
36	20138035	Lê Văn	Phong	DH20TD		9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
37	20138109	Phan Duy	Phúc	DH20TD		9	8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
38	20138111	Đoàn Thiên	Phước	DH20TD		9	9	7	8,3	0012345678910	0123456789
39	20138110	Đỗ Thiện	Phước	DH20TD		9	8,5	8	7,5	0012345678910	0123456789
40	20138112	Nguyễn Ngô Gia	Phước	DH20TD		7	9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
41	20138113	Phạm Đỗ Anh	Phương	DH20TD		7	10	8	8,3	0012345678910	0123456789
42	20138114	Đoàn Đình	Quân	DH20TD		9	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
43	20138115	Lê Hữu Đông	Quân	DH20TD		9	8	7,5	5,0	0012345678910	0123456789
44	20138116	Phạm Đức	Quân	DH20TD		9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
45	20138117	Trần Ngọc	Quế	DH20TD		9	9,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
46	20138118	Vòng Phi	Quyền	DH20TD		9	8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
47	20138120	Lê Đặng Tuấn	Sang	DH20TD		7	9,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
48	20138122	Nguyễn Quốc	Tài	DH20TD		9	9,5	6	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02368

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phát & truyền tải điện(207540)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20138124	Võ Lê Tử Tài	DH20TD			7	9,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
50	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD			8	7,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
51	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD			9	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
52	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD			7	9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
53	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
54	20138132	Châu Ngọc Tiên	DH20TD			9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
55	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			9	9	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
56	20138134	Vũ Minh Toàn	DH20TD			9	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
57	20138135	Đinh Gia Triệu	DH20TD			7	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
58	20138136	Nguyễn Thị Kiều Trinh	DH20TD			9	10	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
59	20138137	Huỳnh Lê Bảo Trọng	DH20TD			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
60	20138049	Trần Ngọc Trọng	DH20TD			9	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
61	20138138	Hoàng Văn Trung	DH20TD			9	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
62	20138139	Nguyễn Công Truyền	DH20TD			9	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
63	20138140	Nguyễn Xuân Tú	DH20TD			7	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
64	20138141	Phạm Anh Tuấn	DH20TD			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02368

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phát & truyền tải điện(207540)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi

001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20138143	Cao Huỳnh Thanh	Tùng			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
66	20138144	Nguyễn Đăng	Văn			9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
67	20138146	Bùi Quốc	Việt			9	9,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
68	20138147	Lê Hà Bảo	Vinh			9	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
69	20138148	Thái Doãn	Vinh			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
70	20138149	Trần Quang	Vinh			7	9	8	8,1	0012345678910	0123456789
71	20138060	Trần Thanh	Vũng			9	10	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
72	20138152	Nguyễn Thị Tường	Vy			9	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 20/06/2022

Vũ Huy Thát



Mã nhận dạng 02370

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_01

Tổ Thi 001_DH21TD_01

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21138002	Nguyễn Văn	An	DH21TD	An			7	9	8.4	0012345678910	0123456789
2	21138086	Trương Hoài	An	DH21TD	Moam			8	6	6.6	0012345678910	0123456789
3	21138005	Lê Diệp	Bách	DH21TD	Bab			8	7	7.3	0012345678910	0123456789
4	21138089	Phạm Quốc	Bào	DH21TD	Bao			8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
5	21138090	Đặng Hải	Bình	DH21TD	Hai			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
6	21138093	Vũ Hoàng	Chi	DH21TD	Ch			8	9	8.7	0012345678910	0123456789
7	21138097	Nguyễn Văn	Cương	DH21TD	Cuong			7	9	8.4	0012345678910	0123456789
8	21138099	Đào Duy	Cường	DH21TD	Cuong			8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
9	19138007	Trần Mạnh	Cường	DH19TD				8			0012345678910	0123456789
10	21138107	Bùi Thị Bích	Dung	DH21TD	Bui Thi Binh			8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
11	21138100	Võ Văn	Đại	DH21TD	Vz			8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
12	21138103	Phạm Quốc	Đạt	DH21TD	Pham			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	21138112	Chu Văn	Hải	DH21TD	Chu			7	8	7.7	0012345678910	0123456789
14	21138113	Nguyễn Minh	Hào	DH21TD	Nguyen Minh			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
15	21138115	Bùi Nguyễn Minh	Hiếu	DH21TD	Bui Nguyen Minh			8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
16	21138018	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH21TD	Nguyen Truong			8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02370

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_01

Tổ Thi 001_DH21TD_01

Tên CBGD

Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21138117	Võ Văn Hiếu	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
18	21138118	Cao Nhựt Hòa	DH21TD				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
19	21138119	Nguyễn Hữu Hoài	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
20	21138124	Võ Thanh Hoàng	DH21TD				8	5	6.9	0012345678910	0123456789
21	21138127	Nguyễn Thế Hùng	DH21TD				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
22	21138032	Trần Duy Khang	DH21TD				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
23	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
24	21138139	Nguyễn Tấn Lân	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
25	21138141	Trương Thành Lợi	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
26	21138144	Vũ Hoàng Lực	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
27	21138145	Đỗ Đức Minh	DH21TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
28	21138048	Nguyễn Trọng Nam	DH21TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
29	21138150	Ngô Đức Nguyên	DH21TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
30	21138151	Trương Văn Nguyên	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
31	21137108	Bùi Thành Ngự	DH21NL				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
32	21138156	Lê Quang Nhựt	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02370

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_01

Tổ Thi 001_DH21TD_01

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21138158	Nguyễn Hoàng Pho	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
34	21138160	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21TD				7	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
35	21138161	Tổng Hoàng Phúc	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
36	21138170	Nguyễn Trọng Hùng Sơn	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
37	21138172	Trần Phương Tài	DH21TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
38	21138062	Võ Tấn Tài	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
39	21138174	Nguyễn Ngọc Tân	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
40	21138175	Nguyễn Thái Tân	DH21TD				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
41	21138178	Lê Quốc Thái	DH21TD				8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
42	21138182	Võ Văn Thiện	DH21TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
43	21138185	Lê Minh Tiến	DH21TD				7	9	8.4	0012345678910	0123456789
44	21138072	Nguyễn Nguyễn Trí	DH21TD				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
45	21138074	Đặng Thành Trục	DH21TD				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
46	21138198	Lê Quốc Trường	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
47	21138199	Ngô Trịnh Anh Tú	DH21TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
48	21138079	Bùi Sơn Tùng	DH21TD				8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02370

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_01

Tổ Thi 001_DH21TD_01

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21138085	Nguyễn Thị Mỹ Yên	DH21TD	<i>Yên</i>	1		8	9	8.7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 18 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cao Đức Lợi

Nguyễn Như Lợi

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02371

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_02

Tổ Thi 001_DH21TD_02

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21138087	Lê Hải Anh	DH21TD				7	5	5.6	0012345678910	0123456789
2	21138004	Lê Tuấn Anh	DH21TD				7	5	5.6	0012345678910	0123456789
3	21138088	Nguyễn Hoàng Anh	DH21TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
5	21138091	Lê Quốc Bình	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
6	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
7	21138092	Lê Minh Chánh	DH21TD				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
8	21138094	Phạm Doanh Chính	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
9	21138095	Ngô Tùng Chương	DH21TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
10	21138008	Võ Vinh Cơ	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
11	21138098	Châu Chí Cường	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
12	21138106	Thiên Sanh Doãn	DH21TD				7	4	4.9	0012345678910	0123456789
13	21138108	Bùi Phúc Dũng	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
14	21138014	Tổng Khánh Duy	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
15	21138101	Lê Thanh Đạt	DH21TD				7	5	5.6	0012345678910	0123456789
16	21138102	Nguyễn Thành Đạt	DH21TD				8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02371

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_02

Tổ Thi 001_DH21TD_02

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21138104	Hồ Minh	Đệ	DH21TD	Đệ		8	7	7.3	0012345678910	0123456789
18	21138105	Hồ Chi	Đô	DH21TD	Chi		8	4	6.2	0012345678910	0123456789
19	21138111	Trần Chí	Hà	DH21TD	Chi		8	5	6.9	0012345678910	0123456789
20	21138116	Quách Xuân	Hiếu	DH21TD	Chi		8	5	6.9	0012345678910	0123456789
21	21138021	Mai Huy	Hoàng	DH21TD	Chi		8	4	6.2	0012345678910	0123456789
22	21138120	Ngô Phạm Minh	Hoàng	DH21TD	Chi		8	8	8.0	0012345678910	0123456789
23	21138122	Phan Trần	Hoàng	DH21TD	Chi		8	5	6.9	0012345678910	0123456789
24	21138123	Từ Minh	Hoàng	DH21TD	Chi		8	7	7.3	0012345678910	0123456789
25	21138125	Đồng Hữu	Hùng	DH21TD	Chi		8	5	6.9	0012345678910	0123456789
26	21138131	Trần Tấn	Huy	DH21TD	Chi		8	7	7.3	0012345678910	0123456789
27	21138132	Võ Trần Phước	Huy	DH21TD	Chi		8	8	8.0	0012345678910	0123456789
28	21138133	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	DH21TD	Chi		8	5.5	8.4	0012345678910	0123456789
29	21138136	Huỳnh Đăng	Khoa	DH21TD	Chi		8	9	8.7	0012345678910	0123456789
30	21138137	Nguyễn Đăng	Khoa	DH21TD	Chi		8	9	8.7	0012345678910	0123456789
31	21138138	Trần Văn Tuấn	Kiệt	DH21TD	Chi		8	7	7.3	0012345678910	0123456789
32	21138142	Nguyễn Thành	Long	DH21TD	Chi		8	7	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02371

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_02

Tổ Thi 001_DH21TD_02

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21138140	Phan Tấn Lộc	DH21TD	<i>loc</i>			8	9	8.7	0012345678910	0123456789
34	21138039	Đình Công Lợi	DH21TD	<i>la</i>			8	7	7.3	0012345678910	0123456789
35	21138043	Nguyễn Minh Mẫn	DH21TD	<i>mân</i>			8	4	5.2	0012345678910	0123456789
36	21138146	Lê Công Minh	DH21TD	<i>ummn</i>			8	7	7.3	0012345678910	0123456789
37	21138147	Lê Hữu Nga	DH21TD	<i>nga</i>			8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
38	21138149	Võ Đại Nghĩa	DH21TD				8			0012345678910	0123456789
39	21138154	Phạm Di Nhất	DH21TD				7			0012345678910	0123456789
40	21138157	Nguyễn Đức Phát	DH21TD	<i>phat</i>			7	9	8.4	0012345678910	0123456789
41	21138159	Nguyễn Hải Phong	DH21TD	<i>phong</i>			7	7	7.0	0012345678910	0123456789
42	21138056	Nguyễn Đức Phước	DH21TD	<i>phuc</i>			7	6	6.3	0012345678910	0123456789
43	21138162	Nguyễn Hoàng Phương	DH21TD	<i>phuong</i>			8	5	5.9	0012345678910	0123456789
44	21138166	Nguyễn Thành Quốc	DH21TD	<i>quoc</i>			8	5	5.9	0012345678910	0123456789
45	21138168	Phạm Văn Quý	DH21TD	<i>quy</i>			8	6	6.6	0012345678910	0123456789
46	21138060	Bạch Tiến Sỹ	DH21TD	<i>sy</i>			8	7	7.3	0012345678910	0123456789
47	21138177	Vũ Nhật Tân	DH21TD	<i>tan</i>			8	4	5.2	0012345678910	0123456789
48	21138179	Võ Huỳnh Quốc Thái	DH21TD	<i>thai</i>			8	7	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02371

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_02

Tổ Thi 001_DH21TD_02

Tên CBGD Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV203

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21138181	Hồ Ngọc Thiên	DH21TD				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
50	21138183	Nguyễn Minh Thuận	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
51	18138089	Trần Lê Triều	DH18TD				8	5	5.9	0012345678910	0123456789
52	21138184	Bùi Quang Tiến	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
53	21138069	Lê Minh Tiến	DH21TD				8	5	5.9	0012345678910	0123456789
54	21138186	Huỳnh Xuân Tín	DH21TD				7	6	6.3	0012345678910	0123456789
55	21138189	Lý Ngọc Tĩnh	DH21TD				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
56	21138190	Nguyễn Trung Tĩnh	DH21TD				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
57	21138191	Nguyễn Bảo Toàn	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
58	21138192	Nguyễn Khánh Toàn	DH21TD				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
59	21138193	Trần Minh Toàn	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
60	21138194	Ngô Minh Trí	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
61	21138195	Trần Trí	DH21TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
62	21138196	Trần Minh Triệu	DH21TD				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
63	21138197	Phạm Thái Trung	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
64	21138201	Lưu Quốc Tuấn	DH21TD				7	6	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02371

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21TD_02

Tổ Thi 001_DH21TD_02

Tên CBGD

Cao Đức Lợi

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV203

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	21138202	Lê Anh Tùng	DH21TD				7	6	6.3	0012345678910	0123456789
66	21138203	Nguyễn Văn Tùng	DH21TD				8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
67	21138204	Nguyễn Thị Phúc Uyên	DH21TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 6.5 Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Vũ Thanh Xuân

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 23/06/2022



Mã nhận dạng 02377

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD				8	7	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD				8	7	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD				10	7	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD				10	7	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD				10	5	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD				8	7	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19138016	Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	DH19TD				7	8	7.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
8	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD				10	6	7.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD				10	8.5	9.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD				10	8.5	9.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD				10	8.5	9.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD				8	8	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD				10	9	9.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19138020	Đình Văn Hiền	DH19TD				10	7	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
15	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD				10	6	7.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD				8	9	8.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02377

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138024	Võ Ngọc	Hội	DH19TD			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
18	19138025	Hoàng Phi	Hùng	DH19TD			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
19	19138027	Bùi Huỳnh Song	Huy	DH19TD			10	5	6.5	0012345678910	0123456789
20	19138028	Nguyễn Văn	Huy	DH19TD			8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
21	19138026	Nguyễn Viết	Hưng	DH19TD			10	7	7.9	0012345678910	0123456789
22	19138032	Nguyễn Đình	Khang	DH19TD			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
23	19138034	Nguyễn Lê Hữu	Khang	DH19TD			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
24	19138038	Bùi Đăng	Khoa	DH19TD			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
25	19138041	Nguyễn Trung	Kiên	DH19TD			10	7	7.9	0012345678910	0123456789
26	19138044	Đặng Thành	Long	DH19TD			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
27	19138043	Lê Tiến	Lợi	DH19TD			10	9	9.3	0012345678910	0123456789
28	19138045	Bùi Văn Hữu	Luân	DH19TD			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
29	19153041	Đặng Sơn	Minh	DH19CD			9	7	7.6	0012345678910	0123456789
30	19138046	Võ Văn	Minh	DH19TD			10	9	9.3	0012345678910	0123456789
31	19138048	Nguyễn Cà	Na	DH19TD			10	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
32	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	Nghĩa	DH19TD			8	9	8.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02377

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
34	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
35	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD	Nhật			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
36	19138055	Trần Đình Nhon	DH19TD	Nhon			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
37	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD	Nhựt			9	7	7.6	0012345678910	0123456789
38	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD	Pha			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
39	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD	Phẩm			10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
40	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD	Phi			10	6	7.2	0012345678910	0123456789
41	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD	Phú			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
42	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD	Quang			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
43	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD	Quang			10	8	8.6	0012345678910	0123456789
44	19138066	Mai Văn Quyển	DH19TD	Quyển			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
45	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD	Sang			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
46	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD	Sơn			10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
47	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD	Tâm			10	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
48	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD	Thái			10	6.5	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02377

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD				10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
50	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD				10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
51	19138074	Nguyễn Tuấn	DH19TD				10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
52	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD				10	9.5	9.7	0012345678910	0123456789
53	19138076	Hồ Thị Hà	DH19TD				10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
54	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD				10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
55	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD							0012345678910	0123456789
56	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD				10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
57	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD							0012345678910	0123456789
58	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD				9	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
59	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
60	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
61	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD				10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
62	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD				10	8.5	8.9	0012345678910	0123456789
63	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
64	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD				10	6.5	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02377

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH19TD_01 Tổ Thi 001_DH19TD_01 Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa
Ngày Thi 26/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 62 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Hiền


N. V. Kiệp


TS. Nguyễn Đức Khuyến